

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2012/QĐ-UBND

*Điện Biên, ngày 12 tháng 6 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Thực hiện Nghị quyết số 271/2012/NQ-HĐND ngày 24/5/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

#### **1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Phạm vi và đối tượng áp dụng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

#### **2. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường**

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các loại khoáng sản kim loại và không kim loại.

#### **3. Mức thu phí**

a) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu phí (đồng)
<b>I</b>	<b>Quặng khoáng sản kim loại:</b>		
1	Quặng sắt	Tấn	60.000
2	Quặng chì	Tấn	270.000
3	Quặng kẽm	Tấn	270.000
4	Quặng đồng	Tấn	60.000
5	Quặng bô xít	Tấn	50.000
6	Quặng vàng	Tấn	270.000
7	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
<b>II</b>	<b>Khoáng sản không kim loại:</b>		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m <sup>3</sup>	70.000
2	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	30.000
3	Đá Block	m <sup>3</sup>	90.000
4	Quặng đá quý: Kim cương, ru-bi (rubi); Sa-phia (sapphire); E-mô-rôt (emerald); A-lêch-xan-đờ-rít (alexandrite); Ô-pan (opan) quý màu đen; A-dít; Rô-đô-lít (rodolite); Py-rôp (pyrope); Bê-rin (berin); Sờ-pi-nen (spinen); Tô-paz (topaz), thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; Cờ-ri-ô-lít (cryolite); Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Phen-sờ-phát (fenspat); Birusa; Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	70.000
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Tấn	3.000
6	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	Tấn	3.000
7	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	6.000
8	Cát vàng	m <sup>3</sup>	5.000
9	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	4.000
10	Đất sét, làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000
11	Đất làm thạch cao	m <sup>3</sup>	3.000
12	Đất làm cao lanh	m <sup>3</sup>	7.000
13	Các loại đất khác (san lấp, xây dựng...)	m <sup>3</sup>	2.000
14	Than đá và các loại than khác	Tấn	10.000
15	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
16	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

b) Trong quá trình thực hiện, nếu trên địa bàn tỉnh có phát sinh các loại khoáng sản không có trong quy định này, thì áp dụng mức thu phí tối đa đối với các loại khoáng sản đó đã được quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

**Điều 2.** Cách tính phí, khai và nộp phí; khai thác khoáng sản tận thu; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Thuế được thực hiện theo Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và các quy định của Luật thuế hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành tại Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Giao Cục thuế tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**